

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 31.12.2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2013

Dvt: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.279.325.510.204	1.099.607.006.190	4.301.846.575.172	4.057.149.179.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.733.793.712	9.249.749.848	10.767.351.626	25.540.688.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.276.591.716.492	1.090.357.256.342	4.291.079.223.546	4.031.608.490.882
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.166.962.579.836	960.238.686.460	3.874.855.744.531	3.653.420.872.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.629.136.656	130.118.569.882	416.223.479.015	378.187.617.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.883.031.237	3.541.334.183	20.450.394.365	5.561.617.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.400.721.022	2.928.956.960	8.710.720.474	17.874.444.277
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.400.631.467	2.923.010.060	8.478.789.876	17.380.497.226
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	77.886.510.861	85.240.641.859	305.430.904.377	250.571.473.420
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.872.879.953	7.460.076.901	40.643.930.928	35.151.196.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.352.056.057	38.030.228.345	81.888.317.601	80.152.120.467
11. Thu nhập khác	31	VI.7	507.420.539	591.808.883	4.374.339.982	2.455.092.464
12. Chi phí khác	32		-	-	54.378.263	104.878.678
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	507.420.539	591.808.883	4.319.961.719	2.350.213.786
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.859.476.596	38.622.037.228	86.208.279.320	82.502.334.253
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.721.631.870	9.110.391.396	20.231.369.066	18.541.444.566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		59.410.228	59.410.228	118.820.457	118.820.457
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	18.078.434.498	29.452.235.604	65.858.089.797	63.842.069.230
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	952	1.552	3.470	3.364

Người lập biểu

Nguyễn

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh



TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Tổng giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.011.887.870.612	764.646.028.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	406.466.089.611	200.552.722.363
1. Tiền	111		74.666.089.611	79.252.722.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		331.800.000.000	121.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.466.811.297	97.997.691.591
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	98.526.145.641	96.501.964.246
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.478.547.828	500.248.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.462.117.828	995.479.345
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		479.769.402.418	459.728.420.211
1. Hàng tồn kho	141	V.5	487.776.549.472	475.254.602.936
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(8.007.147.054)	(15.526.182.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.185.567.286	6.367.193.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	543.240.794	565.466.219
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.627.620.238	5.771.021.405
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.706.254	30.706.254

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.700.709.156	237.225.104.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		208.033.006.102	234.438.581.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	179.850.208.042	209.176.752.535
<i>Nguyên giá</i>	222		452.598.676.806	455.767.633.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(272.748.468.764)	(246.590.880.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.073.165.157	25.148.192.423
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.417.716.981)	(8.342.689.715)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	7.109.632.903	113.636.363
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.824.000.000	1.824.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		843.703.054	962.523.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	843.703.054	962.523.511
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.222.588.579.768	1.001.871.132.875

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		813.138.206.617	623.582.625.031
I. Nợ ngắn hạn	310		813.138.206.617	623.582.625.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	298.051.716.360	175.640.857.288
2. Phải trả người bán	312	V.14	469.372.865.428	388.472.001.977
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5.920.060.152	3.095.647.491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.008.885.325	9.895.290.106
5. Phải trả người lao động	315	V.17	20.132.761.667	20.421.158.945
6. Chi phí phải trả	316	V.18	2.033.412.983	17.262.316.279
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.433.117.874	2.618.387.672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	7.185.386.828	6.176.965.273
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409.450.373.151	378.288.507.844
I. Vốn chủ sở hữu	410		409.450.373.151	378.288.507.844
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	114.197.281.407	107.611.472.427
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	18.980.200.000	10.308.610.006
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	86.470.891.744	62.464.194.452
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.222.588.579.768	1.001.871.132.875

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		41.474.618.540	-
Dầu dừa nhận gia công		1.252.438.116	-
Hàng hóa khách hàng gửi kho		40.222.180.424	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.477,36	272.883,00
Euro (EUR)		-	1,22
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86.208.279.320	82.502.334.253
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	34.729.359.272	30.011.357.105
- Các khoản dự phòng	03		(7.519.035.671)	14.950.182.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	89.555	(62.802.484)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(601.167.192)	(4.342.876.191)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.478.789.876	17.380.497.226
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.296.315.160	140.438.692.634
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.307.958.539)	(17.966.354.969)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.521.946.536)	98.663.037.812
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		67.931.627.805	56.731.905.743
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		696.510.592	(112.316.211)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.363.256.857)	(17.983.043.269)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(21.499.487.496)	(2.301.542.661)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.672.144.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.519.066.935)	(1.651.036.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.384.881.194	255.819.342.292
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.166.194.008)	(2.578.010.282)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	262.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	384.000.000	4.104.254.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.519.739.463)	1.526.244.587

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	2.100.102.715.471	1.728.793.626.974
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(1.977.691.856.399)	(1.858.875.097.909)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(30.362.544.000)	(30.404.015.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.048.315.072	(160.485.485.935)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		205.913.456.803	96.860.100.944
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	200.552.722.363	103.697.565.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(89.555)	(4.944.414)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	406.466.089.611	200.552.722.363

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu


Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng


Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 799 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 760 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị gốc trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	673.219.408	1.863.479.597
Tiền gửi ngân hàng	73.992.870.203	77.389.242.766
Các khoản tương đương tiền	331.800.000.000	121.300.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	406.466.089.611	200.552.722.363

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	439.047.828	500.248.000
Ứng trước cho hoạt động khác	1.039.500.000	-
Cộng	1.478.547.828	500.248.000

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.826.805.150	360.166.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	635.312.678
Cộng	4.462.117.828	995.479.345

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	5.045.486.645	7.114.528.084
Nguyên liệu, vật liệu	298.295.053.052	295.527.961.579
Công cụ, dụng cụ	343.557.966	367.059.050
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.783.989.399	76.961.618.937
Thành phẩm	132.049.807.715	92.825.679.455
Hàng hóa	4.258.654.695	2.457.755.831
Cộng	487.776.549.472	475.254.602.936

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD (xem thuyết minh số V.13)

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	-	(9.446.258.746)
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	-	(2.023.802.149)
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(8.007.147.054)	(4.056.121.830)
Cộng	(8.007.147.054)	(15.526.182.725)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(15.526.182.725)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	7.519.035.671
Số cuối năm	(8.007.147.054)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	457.584.794	479.810.219
Chi phí thuê kho trả trước	85.656.000	85.656.000
Cộng	543.240.794	565.466.219

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	565.466.219
Chi phí phát sinh trong năm	2.938.805.262
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(2.961.030.687)
Số cuối năm	543.240.794

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.183.184.490	285.884.638.912	6.898.535.435	2.801.274.349	455.767.633.186
Tăng trong năm	126.920.143	909.562.890	965.600.000	45.277.000	2.047.360.033
Mua sắm mới	-	218.876.350	965.600.000	45.277.000	1.229.753.350
Đầu tư XD CB hoàn thành	126.920.143	690.686.540	-	-	817.606.683
Giảm trong năm	(1.666.008.661)	(1.979.524.887)	(694.998.677)	(875.784.188)	(5.216.316.413)
Thanh lý	(592.187.100)	(49.391.220)	(682.426.404)	(13.584.093)	(1.337.588.817)
Chuyển công cụ dụng cụ	(1.073.821.561)	(1.930.133.667)	(12.572.273)	(862.200.095)	(3.878.727.596)
Số cuối năm	158.644.095.972	284.814.676.915	7.169.136.758	1.970.767.161	452.598.676.806
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.596.753.583	49.455.191.720	2.071.662.689	1.883.650.161	77.007.258.153
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	65.409.497.975	173.670.110.539	4.842.298.216	2.668.973.921	246.590.880.651
Tăng trong năm	10.937.367.022	18.992.800.575	693.723.438	30.440.971	30.654.332.006
Khấu hao trong năm	10.937.367.022	18.992.800.575	693.723.438	30.440.971	30.654.332.006
Giảm trong năm	(1.398.948.191)	(1.663.986.052)	(649.711.324)	(784.098.326)	(4.496.743.893)
Thanh lý	(592.187.100)	(49.391.220)	(637.139.051)	(13.584.093)	(1.292.301.464)
Chuyển công cụ dụng cụ	(806.761.091)	(1.614.594.832)	(12.572.273)	(770.514.233)	(3.204.442.429)
Số cuối năm	74.947.916.806	190.998.925.062	4.886.310.330	1.915.316.566	272.748.468.764
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	94.773.686.515	112.214.528.373	2.056.237.219	132.300.428	209.176.752.535
Số cuối năm	83.696.179.166	93.815.751.853	2.282.826.428	55.450.595	179.850.208.042
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 144.881.381.435 VND và 46.549.101.444 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.13).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối kỳ	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.858.723.093	520.000.000	2.378.723.093
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.822.689.715	520.000.000	8.342.689.715
Khấu hao trong năm	1.212.973.095	-	1.212.973.095
Khấu hao bổ sung QSD đất	2.862.054.171		2.862.054.171
Số cuối kỳ	11.897.716.981	520.000.000	12.417.716.981
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.148.192.423	-	25.148.192.423
Số cuối kỳ	21.073.165.157	-	21.073.165.157
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình XD CB tại NMD Vinh	6.462.701.260	-
Các công trình XD CB tại NMD Phú Mỹ	646.931.643	113.636.363
Cộng	7.109.632.903	113.636.363

Tình hình biến động trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	113.636.363
Chi phí phát sinh trong năm	7.813.603.223
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(817.606.683)
Số cuối kỳ	7.109.632.903

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	962.523.511	1.081.343.968
Hoàn nhập trong năm	(118.820.457)	(118.820.457)
Số cuối năm	843.703.054	962.523.511

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	140.214.708.881	140.395.533.812
Ngân hàng TNHH MTV HSBC VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	27.367.961.885	35.245.323.476
Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	130.469.045.594	-
Cộng	298.051.716.360	175.640.857.288

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0219/KH/12NH ngày 07 tháng 8 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

- (ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
- Thời hạn được vay : 3 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 300019416/2013 ngày 24 tháng 8 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Giấy nhận nợ cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	175.640.857.288	251.155.057.473
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	2.100.102.715.471	1.728.793.626.974
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.977.691.856.399)	(1.804.307.827.159)
Số cuối kỳ	298.051.716.360	175.640.857.288

14. Phải trả người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	424.035.833.253	344.094.064.215
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	1.157.849.198	300.520.627
Các nhà cung cấp khác	44.179.182.977	44.077.417.135
Cộng	469.372.865.428	388.472.001.977

15. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	52.082.841	33.909.295.221	(33.961.378.062)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	47.644.672.348	(47.644.672.348)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.513.710.207	(15.513.710.207)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.989.750.300	20.231.369.066	(21.499.487.496)	6.721.631.870
Thuế thu nhập cá nhân	1.853.306.965	4.055.113.087	(4.621.316.597)	1.287.103.455
Thuế tài nguyên	150.000	1.800.000	(1.800.000)	150.000
Tiền thuê đất, thuế đất	-	715.624.377	(715.624.377)	-
Thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	9.895.290.106	122.077.584.306	(123.963.989.087)	8.008.885.325

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.208.279.320	82.502.334.253
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.448.403.814	2.082.117.310
- Các khoản điều chỉnh giảm	(606.062.140)	(606.062.140)
Thu nhập chịu thuế	91.050.620.994	83.978.389.423
Thu nhập được miễn thuế	(384.000.000)	(288.000.000)
Thu nhập tính thuế	90.666.620.994	83.690.389.423
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	22.666.655.249	20.922.597.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	(2.435.286.183)	(2.622.177.475)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011</i>		<i>241.024.685</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>20.231.369.066</u>	<u>18.541.444.566</u>

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quý lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	362.714.957	247.181.938
Chi phí bán hàng phải trả	1.670.698.026	17.015.134.341
Cộng	<u>2.033.412.983</u>	<u>17.262.316.279</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	17.691.000	7.976.157
Kinh phí công đoàn	810.335.874	1.477.315.836
Cổ tức phải trả	54.131.000	48.355.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.520.960.000	1.046.640.000
Các khoản phải trả khác	30.000.000	38.100.679
Cộng	<u>2.433.117.874</u>	<u>2.618.387.672</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.768.499.937	3.230.269.660	1.210.000	(1.667.600.000)	5.332.379.597
Quỹ phúc lợi	2.408.465.336	1.097.634.830	88.374.000	(1.741.466.935)	1.853.007.231
Cộng	<u>6.176.965.273</u>	<u>4.327.904.490</u>	<u>89.584.000</u>	<u>(3.409.066.935)</u>	<u>7.185.386.828</u>

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 30.362.544.000 VND (kỳ trước là 30.304.015.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Tổng doanh thu	1.279.325.510.204	1.099.607.006.190
Doanh thu bán hàng hóa	13.295.716.095	13.932.832.800
Doanh thu bán thành phẩm	1.266.029.794.109	1.085.674.173.390
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.733.793.712)	(9.249.749.848)
Giảm giá hàng bán	(2.206.856.900)	(8.748.985.695)
Hàng bán bị trả lại	(526.936.812)	(500.764.153)
Doanh thu thuần	1.276.591.716.492	1.090.357.256.342
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	13.295.716.095	13.932.832.800
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.263.296.000.397	1.076.424.423.542

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	13.860.529.200	14.103.471.707
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.153.102.050.636	946.135.214.753
Cộng	1.166.962.579.836	960.238.686.460

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Lãi tiền gửi	7.681.062.290	3.291.741.825
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.968.947	186.789.874
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	62.802.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	7.883.031.237	3.541.334.183

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.400.631.467	2.923.010.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.946.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.555	-
Cộng	2.400.721.022	2.928.956.960

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.014.458.637	3.857.656.493
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	623.801.957	266.571.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.202.456	198.235.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.381.812.604	11.289.717.825
Chi phí khác	53.702.235.207	69.628.461.324
Cộng	77.886.510.861	85.240.641.859

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.387.746.934	4.440.157.743
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	429.594.227	222.354.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.020.525	223.538.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.094.838.644	1.138.814.320
Chi phí khác	2.740.679.623	1.435.211.619
Cộng	12.872.879.953	7.460.076.901

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường hợp đồng	-	45.494.366
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	79.242.191	166.837.625
Thu nhập khác	428.178.348	379.476.892
Cộng	507.420.539	591.808.883

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.078.434.498	29.452.235.604
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.078.434.498	29.452.235.604
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	952	1.552

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

* Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ:

Lợi nhuận kế toán sau thuế kỳ này giảm 11.373.801.106 VNĐ so với cùng kỳ năm trước (giảm 38,62 %. Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố sau:

- Giá nguyên liệu đầu vào tăng cao so cùng kỳ trong khi giá bán sản phẩm tăng không đáng kể.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.270.326.446.843	923.429.050.572
Chi phí nhân công	31.448.525.750	21.135.097.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.926.999.749	7.859.139.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.654.193.266	23.909.884.803
Chi phí khác	56.442.914.830	69.188.417.183
Cộng	<u>2.400.799.080.438</u>	<u>1.045.521.589.762</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này /Năm nay</u>	<u>Kỳ này /Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	-
Mua nguyên liệu	1.021.210.331.600	691.535.905.415
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật		
Mua nguyên liệu, bao bì, chi phí gia công phải trả	2.132.450.075	724.904.766
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bán thành phẩm	148.800.000	53.835.200
----------------	-------------	------------

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	-	52.800.000
Cộng nợ phải thu	-	52.800.000

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Mua nguyên liệu	424.035.833.253	344.094.064.215
-----------------	-----------------	-----------------

Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật

Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	1.157.849.198	300.520.627
-------------------------------------	---------------	-------------

Cộng nợ phải trả	425.193.682.451	344.394.584.842
-------------------------	------------------------	------------------------

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	499.761.250	499.761.250
Trên 1 năm đến 5 năm	1.999.045.000	1.999.045.000
Trên 5 năm	11.884.208.000	12.883.730.500
Cộng	14.383.014.250	15.382.536.750

Công ty thuê đất tại trụ sở chính và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Nguyễn

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BAO CẢO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	41.758.859.069	348.006.862.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	63.842.069.230	63.842.069.230
Trích lập các quỹ năm trước	-	6.384.206.923	-	3.192.103.462	(12.768.413.847)	(3.192.103.462)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	65.858.089.797	65.858.089.797
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	6.585.808.980	(8.102.230.959)	8.671.589.994	(10.448.072.505)	(3.292.904.490)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Chỉ thường Ban điều hành	-	-	-	-	(1.035.000.000)	(1.035.000.000)
Số dư cuối kỳ	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151

(*) Trong kỳ kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ dự trữ (Vốn khác thuộc VCSH) theo Điều lệ Công ty là 8.102.230.959 đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014



[Signature]

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

